

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2026/HNGĐ-ST

Ngày 31-7-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Tư

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Phú Được

2. Ông Dương Hoàng Dẫn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Huỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Vũ Anh-Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số **206/2026/TLST-DS** ngày 11/5/2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30/08/1982, CCCD: 094082014197 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/11/2021. Địa chỉ: A, xã A, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh ngày 01/01/1987, CCCD: 094187016795 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/04/2023. Địa chỉ: A, xã A, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2026 thì nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Cần Thơ). Ông, bà có 02 con chung tên Nguyễn Thúy D, sinh ngày 17/04/2005, giới tính nữ và cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 02/11/2010, giới tính nam hiện đang sống cùng ông Nguyễn Minh Đ.

Ông Nguyễn Minh Đ cho rằng ông và bà Đ1 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm cuộc sống không hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ năm 2021. Nay ông Nguyễn Minh Đ yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ1.

Về con chung: Ông Nguyễn Minh Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 02/11/2010, ông không yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Thúy D, sinh ngày 17/4/2005 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Minh Đ tự khai không có, không yêu cầu giải quyết.

*- Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.*

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Minh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ1, về con chung, giao cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 02/11/2010 cho ông Nguyễn Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không buộc ông Nguyễn Minh Đ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Minh Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã A, thành phố Cần Thơ) vào ngày 15/7/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2015 nên đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Ông Nguyễn Minh Đ cho rằng ông và bà Nguyễn Thị Đ1 chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2021 thì ông, bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Do đó, ông Nguyễn Minh Đ yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ1. Về phía bà Đ1, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên hòa giải, phiên tòa để hàn gắn tình cảm với ông Đ. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ các quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân

sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Minh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ1 để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Minh Đ xác định ông, bà có 02 con chung tên Nguyễn Thúy D, sinh ngày 17/04/2005, giới tính nữ và cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 02/11/2010, giới tính nam hiện đang sống cùng ông Nguyễn Minh Đ nên ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng P, còn Nguyễn Thúy D đã trưởng thành và phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Xét thấy cháu P hiện nay đang sống chung với ông Đ và có nguyện vọng được sống chung với Đ nên việc giao cháu cho ông Đ nuôi dưỡng là đảm bảo ổn định môi trường sống cho cháu, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh Đ về việc ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng P.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Nguyễn Minh Đ không yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc bà Đ1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Trọng P.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 đều không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với vấn đề này.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, Điều 464, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ1.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 02/11/2010 cho ông Nguyễn Minh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu Nguyễn Trọng P đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Đ1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009018 ngày 11/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV10 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TPCT;
- Các đương sự;
- UBND xã An Lạc Thôn, TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lý Thị Tư**

